|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /2020/TT-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng**

**trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới**

*Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đo lường;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới.*

CHƯƠNG I

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thanh tra giao thông vận tải, cảnh sát giao thông, lực lượng có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra tải trọng xe cơ giới nhằm bảo đảm an toàn giao thông.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phép đo khối lượng trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới* là tập hợp những thao tác cân để xác định tải trọng xe cơ giới.

2. *Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới* là cân ô tô chuyên dùng kiểm tra tải trọng xe cơ giới, cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới, cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường tương ứng theo quy định của pháp luật về đo lường.

3. *Tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra* là khối lượng toàn bộ xe (bao gồm cả hàng hóa trên xe) hoặc tải trọng trục xe (hoặc nhóm trục xe) được xác định theo quy định tại Thông tư này.

CHƯƠNG II

**YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG ĐỐI VỚI PHÉP ĐO KHỐI LƯỢNG TRONG KIỂM TRA TẢI TRỌNG XE CƠ GIỚI**

**Điều 4. Phương tiện đo**

Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Có phạm vi đo phù hợp với tải trọng xe được cân;

2. Đã được kiểm định và trong thời hạn giá trị của chứng chỉ kiểm định (dấu kiểm định, tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định);

3. Các bộ phận, chi tiết của cân phù hợp với mẫu đã được phê duyệt;

4. Các bộ phận, chi tiết, chức năng có khả năng can thiệp làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường cơ bản của cân được niêm phong hoặc kẹp chì của tổ chức kiểm định.

**Điều 5. Phương pháp đo, điều kiện đo**

1. Tuân thủ yêu cầu sử dụng phương tiện đo, điều kiện đo, phương pháp đo theo hướng dẫn của cơ sở sản xuất, nhập khẩu và yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ về đo lường theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền. Trường hợp phát hiện phương tiện đo bị sai hỏng trong quá trình sử dụng, cơ quan, người quản lý, sử dụng phương tiện đo phải dừng việc sử dụng và thực hiện biện pháp khắc phục để bảo đảm phương tiện đo phù hợp yêu cầu quy định.

2. Bảo đảm các điều kiện kỹ thuật của trạm kiểm tra tải trọng xe cơ giới, quy trình đo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành trong suốt quá trình sử dụng và giữa hai kỳ kiểm định.

3. Xây dựng kế hoạch và định kỳ thực hiện tự kiểm tra phương tiện đo, điều kiện thực hiện phép đo để bảo đảm kết quả đo phù hợp với quy định tương ứng tại Điều 6 Thông tư này. Hồ sơ thực hiện việc định kỳ tự kiểm tra phải được lưu giữ cho tới khi hoàn thành lần kiểm định tiếp theo của phương tiện đo tại địa điểm thuận lợi cho việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

**Điều 6. Xác định tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra**

1. Trường hợp sử dụng một (01) loại cân

a) Sai lệch lớn nhất của giá trị hiển thị trên cân (I) tương ứng với từng loại cân được sử dụng như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên, chủng loại cân được sử dụng** | **Sai lệch lớn nhất (S)** |
| 1 | Cân ô tô chuyên dùng kiểm tra tải trọng xe cơ giới | 0,5 % × I |
| 2 | Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới:  2.1. Xác định khối lượng toàn bộ xe  2.2. Xác định tải trọng trục (hoặc nhóm trục):  - Đối với xe có 2 trục (hoặc nhóm trục) cố định  - Đối với xe có nhiều hơn 2 trục (hoặc nhóm trục) cố định | 10 % × I  8 % × I  16 % × I |
| 3 | Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay | 8 % × I |

b) Tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra

Tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra (X) được xác định theo công thức sau và được làm tròn theo đơn vị 100 kg:

X = I - S

Trong đó,

I là giá trị hiển thị trên cân được sử dụng (kg);

S là sai lệch lớn nhất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này (kg).

***Ví dụ 1:***

Khi kiểm tra khối lượng toàn bộ một xe ô tô bằng cân ô tô chuyên dùng kiểm tra tải trong xe cơ giới, giá trị hiển thị khối lượng toàn xe ô tô là I = 21 640 kg.

Sai lệch lớn nhất của giá trị hiển thị được xác định tương ứng tại Khoản 1 Điều 6 là S = (21 640 × 0,5 %) kg = 108 kg.

Áp dụng công thức thì tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra trong trường hợp này là:

X = 21 640 kg – 108 kg = 21 532 kg; làm tròn thành: 21 500 kg.

***Ví dụ 2:***

Khi kiểm tra khối lượng toàn bộ một xe ô tô chuyển động qua cân kiểm tra tải trong xe cơ giới, giá trị hiển thị khối lượng toàn bộ xe là I = 34 860 kg.

Sai lệch lớn nhất của giá trị hiển thị được xác định tương ứng tại Khoản 1 Điều 6 là S = I × 10 % = (34 860 × 10 %) kg = 3 486 kg.

Áp dụng công thức thì tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra trong trường hợp này là:

X = (34 860 – 3 486) kg = 31 374 kg; làm tròn thành: 31 400 kg;

***Ví dụ 3:***

Khi kiểm tra một xe ô tô 02 nhóm trục cố định chuyển động qua cân kiểm tra tải trong xe cơ giới, giá trị hiển tải trọng 01 nhóm trục là I = 17 530 kg.

Sai lệch lớn nhất của giá trị hiển thị tương ứng tại Khoản 1 Điều 6 là S = I × 8 % = (17 530 × 8 %) kg = 1 402 kg.

Áp dụng công thức thì tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra trong trường hợp này là:

X = (17 530 – 1 402) kg = 16 128 kg; làm tròn thành: 16 100 kg;

***Ví dụ 4:***

Khi kiểm tra một xe ô tô 04 nhóm trục chuyển động qua cân kiểm tra tải trong xe cơ giới, giá trị hiển tải trọng 01 nhóm trục là I = 20 530 kg.

Sai lệch lớn nhất của giá trị hiển thị tương ứng tại Khoản 1 Điều 6 là S = I × 16 % = (20 530 × 16 %) kg = 3 285 kg.

Áp dụng công thức thì tải trọng xe cơ giới (tài trọng trục) khi kiểm tra trong trường hợp này là

X = (20 530 – 3 285) kg = 17 245 kg; làm tròn thành: 17 200 kg;

***Ví dụ 5:***

Khi kiểm tra tải trọng trục một xe ô tô bằng cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay, giá trị hiển thị tải trọng 01 trục xe ô tô là I = 17 800 kg.

Sai lệch lớn nhất của giá trị hiển thị tương ứng tại Khoản 1 Điều 6 là S = I × 8 % = (17 800 × 4 %) kg = 1 424 kg.

Áp dụng công thức thì tải trọng xe cơ giới (tải trọng trục) khi kiểm tra trong trường hợp này là:

X = (17 800 – 1 424) kg = 16 376 kg; làm tròn thành: 16 400 kg;

2. Trường hợp sử dụng kết hợp 02 loại cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới để thực hiện kiểm tra 02 cấp (sơ cấp và thứ cấp) theo quy định: Tải trọng xe cơ giới khi kiểm tra thứ cấp là kết quả cuối cùng để cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

CHƯƠNG III

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN**

**Điều 7.** **Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện phép đo**

1. Bảo đảm yêu cầu quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này khi thực hiện phép đo khối lượng trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới.

2. Tuân thủ yêu cầu về xác định tải trọng khi kiểm tra theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

3. Thực hiện phép đo khối lượng trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới trước sự chứng kiến của tổ chức, cá nhân liên quan. Sẵn sàng thực hiện lại phép đo nếu cá nhân, tổ chức liên quan có yêu cầu.

4. Chịu sự kiểm tra, thanh tra về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 8. Trách nhiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Thực hiện việc kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phép đo khối lượng trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới trên địa bàn địa phương theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ tháng 3 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp báo cáo cơ quan tham mưu, giúp việc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tình hình kiểm tra về đo lường đối với phép đo khối lượng trong kiểm tra tải trọng xe cơ giới trên địa bàn địa phương.

**Điều** **9. Trách nhiệm của** **cơ quan tham mưu, giúp việc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn**

1. Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Thanh tra cơ quan tham mưu, giúp việc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật về đo lường trên địa bàn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

1. Ban hành yêu cầu kỹ thuật đo lường, quy trình kiểm định, quy trình thử nghiệm cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, thử nhiệm cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại Thông tư này.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG IV

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11.** **Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

**Điều 12.** **Tổ chức thực hiện**

1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, thủ trưởng cơ quan kiểm tra nhà nước về đo lường, thủ trưởng tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc  Chính phủ;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo;  - Lưu: VT, PC, TĐC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Trần Văn Tùng** |